

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày: 25 - 4 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thượng

2. Ông Nguyễn Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Chí S**, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 7, ấp S, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Vương Sơn H**, sinh năm 1984; địa chỉ: 3/64, ấp T, xã H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Lê Hồng Tr**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 7, khu phố 3, thị trấn C, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2.2. Bà **Võ Thị Thùy L**, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 9, ấp S, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/11/2021, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Chí S trình bày:

Do quen biết nên ông có cho vợ chồng ông Lê Hồng Tr và bà Võ Thị Thùy L vay tiền nhiều lần tổng cộng là 430.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 16/4/2018 cho vay 200.000.000 đồng. Số tiền vay này ông Tr, bà L có ký tên vào giấy nợ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, từ lúc vay thì ông Tr, bà L có trả được tiền lãi 02 tháng thì ngưng không trả tiền gốc và tiền lãi cho đến nay.

Lần thứ hai: Ngày 31/01/2019 cho vay 80.000.000 đồng. Số tiền vay này do ông đứng ra vay tiền của chị của ông để cho bà L vay lại nhưng do bà L không có tiền trả nên ông đã trả tiền của cho chị của ông xong và chị ông đã gạch bỏ giấy nợ này nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả tiền lại cho ông, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, từ lúc vay thì ông Tr, bà L có trả được tiền lãi 01 tháng thì ngưng không trả tiền gốc và tiền lãi cho đến nay.

Lần thứ 3: Không nhớ rõ ngày, tháng cho vay năm 2019 số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền vay này ông Tr có ký tên vào giấy nợ, thỏa thuận lãi suất 300.000 đồng/ngày/150.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong vòng 15 ngày sẽ trả và có trả lãi được 01 tháng thì ngưng không trả tiền gốc và lãi cho đến nay.

Khi cho vay không nhận thế chấp tài sản của ông Tr, bà L, ông không có hỏi ông Tr, bà L vay tiền dùng để làm gì. Theo ông được biết vợ chồng ông Tr, bà L đã ly hôn và có quyết định của Tòa án ngày 10/11/2019.

Nay, ông yêu cầu ông Lê Hồng Tr và bà Võ Thị Thùy L trả số tiền vay gốc là 430.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 15%/năm của số tiền 430.000.000 đồng tính từ ngày 01/12/2019 cho đến ngày hiện tại tạm tính là 83.720.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 513.720.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Lê Hồng Tr trình bày:

Ông thừa nhận trước đây khi ông và bà Võ Thị Thùy L còn sống chung với nhau có vay tiền của ông S 03 lần tổng cộng là 430.000.000 đồng như ông S trình bày. Mục đích ông vay tiền ông S để vợ chồng làm ăn, kinh doanh nhưng bị thua lỗ nên chưa trả lại tiền cho ông S. Khi vay có làm giấy nợ, ông có ký tên vào các giấy nợ, bà L chỉ ký tên vào giấy nợ vay 200.000.000 đồng, giấy nợ còn lại bà L không có ký tên.

Đến ngày 10/11/2019, thì vợ chồng ông ly hôn, khi ly hôn ông và bà L không có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung.

Sau khi ly hôn bà L về huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh sinh sống cho đến

nay.

Nay, ông Nguyễn Chí S yêu cầu ông trả số tiền vay gốc 430.000.000 đồng và tiền lãi là 83.720.000.000 đồng, ông đồng ý trả.

Bị đơn bà Võ Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Thông nhất với ý kiến của nguyên đơn. Yêu cầu ông Tr, bà L trả cho ông Số tiền vay gốc là 430.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của ông S. Buộc ông Tr và bà L có trách nhiệm trả cho ông S số tiền gốc 430.000.000 đồng (trong đó bà L chỉ có trách nhiệm liên đới với ông Tr, trả cho ông S số tiền 200.000.000 đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông S, buộc bà L cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc 230.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

- *Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thấy rằng: Bà Võ Thị Thùy L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 09, ấp S, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Hiện tại, bà L vẫn đang cư trú tại địa phương. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện (ông Nguyễn Chí S) đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú người bị kiện (bà Võ Thị Thùy L) nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”. Trong vụ án này, người bị kiện (bà Võ Thị Thùy L) là bị đơn, vắng mặt đã

được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Chí S cho ông Lê Hồng Tr, bà Võ Thị Thùy L vay tiền 03 lần, tổng cộng là 430.000.000 đồng, khi cho vay có thỏa thuận tiền lãi 3%/tháng, có thỏa thuận thời hạn trả, có làm giấy nợ, không thế chấp tài sản. Trong quá trình vay ông Tr, bà L có trả lãi được 02 tháng thì ngưng. Đến tháng 11/2019, ông Tr và bà L ly hôn. Đến hạn trả nợ, ông Tr, bà L không trả được cho ông S nên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí S, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy vay không rõ ngày tháng có nội dung: Vợ chồng em Tr có mượn của anh S số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 300.000 đồng/ngày, tối đa trong vòng 15 ngày sẽ trả, do ông Tr viết và ký tên.

Khoảng tiền 80.000.000 đồng vay vào ngày 31/01/2019, lãi suất 3%/tháng, việc vay không có giấy vay. Tuy nhiên, ông Tr thừa nhận có nợ khoảng nợ này.

Hai khoảng vay trên, không có chữ ký của bà Linh. Mặt khác, tại Bản án hôn nhân gia đình số 74, ngày 11/10/2019 về việc ly hôn và nuôi con giữa ông Tr và bà L thể hiện về nợ chung: Bà L, ông Tr trình bày không thiếu nợ ai. Do đó, không đủ cơ sở để buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông S khoản vay trên.

Việc ông Tr thừa nhận có vay ông S số tiền 230.000.000 đồng nêu trên, thì ông Tr có trách nhiệm trả cho ông S số tiền này.

Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 16/4/2018, có chữ ký của ông Tr ký tên bên mục người mượn, còn bà Võ Thị Thùy L ký tên bên mục người thừa kế. Xét thấy thời điểm lập giấy vay trong thời gian hôn nhân, có chữ ký của bà L ký trên bên mục người thừa kế.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng họp lệ nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do, không có chứng cứ nào để trình bày phản bác lại chữ ký trên giấy vay, cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông S, buộc ông Tr và bà L có trách nhiệm trả số tiền vay 200.000.000 đồng.

Xét về yêu cầu tính tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 15 %/năm, tức 1.25 %/tháng, tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (nhưng để làm tròn tháng nên chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 01/4/2022), tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày đối với giấy vay nào tính lãi được thì yêu cầu tính lãi 1.25%/tháng, trường hợp giấy vay đã hết thời hiệu khởi kiện mà không tính lãi được thì xử lý theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy mượn tiền ghi ngày 16/4/2018 không có ghi thỏa thuận lãi, ông S và ông Tr thừa

nhận có thỏa thuận lãi bằng miệng là 3%/tháng, bà L không có văn bản trình bày ý kiến. Tại giấy nợ vay số tiền 150.000.000 đồng, có ghi lãi suất 300.000 đồng/ngày. Khoảng nợ vay 80.000.000 đồng vay vào ngày 31/01/2019, lãi suất 3%/tháng, việc vay không có giấy nợ, thể hiện hợp đồng vay giữa ông S, ông Tr, bà L là vay có lãi, do nguyên đơn tự nguyện yêu cầu áp dụng mức lãi suất 1.25%/tháng và thời gian yêu cầu tính lãi tính từ ngày 01/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, việc yêu cầu này Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy mượn tiền ghi ngày 16/4/2018, tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là ngày 12/10/2021 là 03 năm 06 tháng, đã hết thời hiệu khởi kiện nên việc tính lãi là không có căn cứ. Đối với 02 khoảng vay năm 2019 cả ông Tr, ông S đều thừa nhận có thỏa thuận lãi và yêu cầu tính lãi của ông S là tự nguyện, phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc tính lãi được tính như sau: 230.000.000 đồng x 1.25% x 28 tháng = 80.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông S được chấp nhận nên ông Tr, bà L phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí S đối với ông Lê Hồng Tr và bà Võ Thị Thùy L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1/ Buộc ông Lê Hồng Tr và bà Võ Thị Thùy L cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí S số tiền gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

1.2/ Buộc ông Lê Hồng Tr có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí S số tiền gốc là 230.000.000 (hai trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 80.500.000 (tám mươi triệu năm trăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 310.500.000 (ba trăm mười triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Chí S cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Võ Thị Thùy L, ông Lê Hồng Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

2.1/ Ông Lê Hồng Tr và bà Võ Thị Thùy L phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2/ Ông Lê Hồng Tr phải chịu 15.525.000 (mười lăm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.3/ Ông Nguyễn Chí S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông S số tiền 12.693.000 (mười hai triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông S đã nộp tại các biên lai thu số 0006797 ngày 25/10/2021 và biên lai số 0006853 ngày 11/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan